

ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA 2000 Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC

KS. Nguyễn Thị Hồng Minh

Trung tâm khí tượng nông nghiệp

Vụ mùa 2000 ở các tỉnh miền Bắc là vụ có nền nhiệt thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN) ở các tháng đầu và cuối vụ, các tháng giữa vụ nền nhiệt độ cao hơn TBNN và là vụ có lượng mưa phân bố không đều theo không gian, lượng mưa lớn tập trung vào những địa phương có ảnh hưởng của bão số 4. Nhìn chung, lượng mưa hầu hết các nơi trong cả vụ đều ít hơn TBNN, trong đó các tỉnh vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ lượng mưa ít hơn TBNN đáng kể. Vùng Đông Bắc hạn cuối vụ xảy ra tuy không gay gắt nhưng đã ảnh hưởng đến những trà lúa sớm đang vào thời kỳ mọc dóng, trổ bông ở một số chân ruộng cao có khó khăn trong khâu thủy lợi. Số giờ nắng trong vụ thấp hơn TBNN (trừ Vinh) và thấp hơn vụ trước. Các nơi khác nhìn chung điều kiện nhiệt độ và ánh sáng tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Lượng mưa thấp nhưng số ngày có mưa nhỏ phân bố tương đối đều và chủ động được nguồn nước nên phần lớn các địa phương cây trồng không bị hạn. Do ảnh hưởng của bão số 4, một số tỉnh phía nam đồng bằng Bắc Bộ có một số diện tích bị ngập hại.... So với vụ mùa 1999, vụ mùa năm 2000 trong thời kỳ giữa vụ tình hình sâu bệnh phát sinh phát triển nhiều loại hơn nhưng nhờ diệt trừ kịp thời nên không phát sinh thành những dịch lớn.

Nhìn chung đây là một vụ mùa tuy không gặp thiên tai lớn ảnh hưởng trên diện rộng nhưng điều kiện thời tiết không thuận lợi bằng vụ mùa 1999. Theo thống kê sơ bộ, năng suất, sản lượng hầu hết các tỉnh xấp xỉ và thấp hơn vụ mùa năm trước.

1. Tình hình thời tiết trong vụ (từ tháng 6 đến hết tháng 9)

a. Nhiệt độ

Các tháng đầu và cuối vụ nhiệt độ thấp hơn TBNN, các tháng giữa vụ nhiệt độ xấp xỉ và cao hơn TBNN. Tổng tích nhiệt cả vụ dao động từ 3124 đến 3485°C, các tỉnh miền núi và một số tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ cao hơn TBNN 10 đến 99 °C, các tỉnh Bắc Trung Bộ thấp hơn TBNN chút ít. Vào các tháng 6 và 9 nhiệt độ không khí trung bình ở hầu hết các tỉnh đều thấp hơn TBNN từ 0,3 đến 1,0 °C. Tháng 7 và tháng 8 hầu hết các tỉnh nền nhiệt độ xấp xỉ và cao hơn TBNN từ 0,3 đến 1,3 °C. So với vụ mùa năm trước ở hầu hết các tỉnh đều thấp hơn từ 20 đến 88 °C.

Các tỉnh miền núi số ngày có nhiệt độ không khí trung bình lớn hơn 30°C ít xảy ra, các tỉnh đồng bằng và Bắc Trung Bộ cũng chỉ xảy ra một số ngày trong các tháng đầu và giữa vụ.

b. Lượng mưa

Tổng lượng mưa cả vụ ở hầu hết các nơi đều thấp hơn TBNN từ 139 đến 553 mm. Nhiều nơi thuộc vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ lượng mưa chỉ đạt 40 - 50% so với TBNN. Lượng mưa các tháng 6 và 8 ở hầu hết các nơi trên miền Bắc đều thấp hơn TBNN từ 11 đến 248 mm. Các tháng 7 và 9 lượng mưa phân bố không đều theo không gian: các tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ lượng mưa xấp xỉ và thấp hơn TBNN, các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An lượng mưa tháng 9 cao hơn TBNN từ 296 mm đến 334 mm. So với vụ mùa năm trước tổng lượng mưa cả vụ ở các tỉnh Khu 4 cũ và Bắc Trung Bộ đều cao hơn từ 386 đến 440 mm. Do ảnh hưởng của bão số 4, mưa to

đến rất to đã xảy ra một số ngày trong thời gian cuối vụ ở một số tỉnh thuộc nam đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Nơi có lượng mưa ngày cao nhất trong đợt mưa bão này là Ninh Bình: 356,1 mm (ngày 11-9-2000).

c. Năng

Các tỉnh miền Bắc số giờ nắng cả vụ đạt từ 578 đến 758 giờ, ít hơn TBNN từ 22 đến 112 giờ (trừ Vinh nhiều hơn TBNN 48 giờ), xấp xỉ và thấp hơn so với vụ trước chút ít. Số giờ nắng các tháng đầu và cuối vụ (tháng 6 và tháng 9) ở các tỉnh đều ít hơn TBNN, tại Nam Định tất cả các tháng trong vụ số giờ nắng đều ít hơn TBNN và ít hơn so với vụ trước.

d. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Nắng nóng

Trong tháng 7 các tỉnh thuộc Bắc Bộ có một số ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất phổ biến đạt từ 36 đến 39 °C, nhưng không kéo dài.

b) Bão

Sáng ngày 6-9-2000 áp thấp nhiệt đới mạnh lên thành bão số 4. Bão số 4 đã gây mưa to đến rất to ở các tỉnh Bắc Trung Bộ và phía nam đồng bằng Bắc Bộ.

2. Ảnh hưởng của điều kiện thời tiết đến sinh trưởng, phát triển và hình thành năng suất lúa

a. Giai đoạn mạ

Các tỉnh đồng bằng sông Hồng lúa mùa trà cực sớm được gieo từ trung tuần tháng 6, các trà lúa chính vụ gieo vào hạ tuần tháng 6 và trà muộn gieo vào đầu tháng 7. Trong thời kỳ này ở hầu hết các tỉnh miền Bắc nhiệt độ phổ biến dao động từ 27,0 đến 28,0 °C, xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 0,5 đến 1,2 °C. Lượng mưa ở hầu hết các tỉnh trong thời kỳ này đạt trên 100 mm/tháng, tuy nhiên đều thấp hơn TBNN với 15 đến 26 ngày mưa/tháng (vùng núi) và từ 12 đến 17 ngày/tháng (vùng trung du và đồng bằng). Số giờ nắng các tỉnh trong giai đoạn này phổ biến từ 140 - 170 giờ. Một số nơi như Lai Châu, Sa Pa, Lào Cai, Hà Giang số giờ nắng tháng chỉ đạt dưới 100 giờ. Nhìn chung, số giờ nắng các tỉnh đều thấp hơn TBNN.

Trong giai đoạn mạ, nền nhiệt độ tương đối thích hợp, lượng mưa tuy thấp hơn TBNN nhưng phân bố tương đối đều trong tháng với số ngày mưa khá cao nên tình trạng hạn đầu vụ không xảy ra ở hầu hết các tỉnh. Các trận mưa rào với cường độ không mạnh thường xảy ra vào chiều tối, ban ngày trời nắng, mỗi ngày có 3 đến 4,5 giờ nắng (khu vực miền núi) và có từ 4,5 đến 6,0 giờ (khu vực trung du và đồng bằng Bắc Bộ). Nhìn chung thời tiết thuận lợi cho việc làm đất, gieo mạ. Sau khi gieo 3 - 5 ngày mạ mọc mầm phổ biến, sau 6-8 ngày đã có 3 lá phổ biến. Độ dài giai đoạn từ 3 đến 5 lá phổ biến từ 8 - 10 ngày. Mạ sinh trưởng phát triển khá, sâu bệnh thời kỳ này ít hơn cùng kỳ vụ trước. Do nhiệt độ và số giờ nắng trong nửa đầu tháng 6 thấp nên trà lúa gieo cực sớm và trà sớm sinh trưởng, phát triển không thuận bằng trà chính vụ và trà muộn.

b. Giai đoạn phát triển dinh dưỡng

Các tỉnh miền Bắc lúa mùa cực sớm cấy xong trong tháng 6, lúa mùa sớm, chính vụ và muộn được cấy trong tháng 7. Thời kỳ này ở hầu hết các tỉnh nhiệt độ phổ biến từ 27,0 đến 29 °C, xấp xỉ TBNN. Riêng một số nơi như Lai Châu, Tuyên Quang, Hà Nội nhiệt độ cao hơn TBNN từ 0,7 đến 0,9 °C. Lượng mưa phân bố không đều theo không gian. Các tỉnh miền núi, trung du, đồng bằng Bắc Bộ lượng mưa phổ biến từ

250-350 mm với từ 15 - 18 ngày mưa trong tháng, riêng miền núi có từ 22 - 26 ngày mưa. Các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An lượng mưa chỉ đạt 40-50% TBNN. Trong thời gian từ ngày 21 đến 23 tháng 7 đã có một đợt mưa vừa, mưa to trên diện rộng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, lượng mưa ngày nhiều nơi đạt trên 100 mm. Nơi đạt lượng mưa ngày lớn nhất trong đợt này là Thái Nguyên 287 mm (xảy ra ngày 23). Tuy nhiên, mưa lớn không kéo dài nên không ảnh hưởng tới các trà lúa mới cấy. Số giờ nắng khá, vùng núi phía bắc trung bình mỗi ngày có 5-6 giờ nắng, vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có 6-7 giờ. Nhìn chung thời tiết thuận lợi cho việc làm đất, cấy và chăm sóc lúa. Trà lúa cấy sớm tốc độ sinh trưởng, phát triển khá, trà lúa chính vụ và muộn sau cấy 4-6 ngày lúa bén rễ hồi xanh, cây phục hồi sinh trưởng nhanh.

Sang tháng 8 các trà lúa trong giai đoạn đẻ nhánh, mọc đòng, các trà lúa sớm bắt đầu trở bông. Các tỉnh miền Bắc nhiệt độ phổ biến từ 27 - 29 °C, cao hơn TBNN từ 0,5 đến 1,0 °C. Lượng mưa phổ biến từ 150 - 300mm, hầu hết các nơi đều chỉ đạt 40 - 60% giá trị TBNN, nhiều nơi lượng mưa tháng thấp dưới 50% giá trị trung bình: Lạng Sơn 26%, Ba Vì 28%, Thái Nguyên 36%. Vùng núi tình trạng thiếu nước xảy ra ở một số chân ruộng cao, tuy nhiên số ngày có mưa rải rác trong tháng khá nhiều (14 đến 23 ngày), kết hợp với một số đợt mưa vừa, mưa to trên 100mm xảy ra trong tháng như Mường Tè 108mm (ngày 5), Móng Cái: 122mm (ngày 2), 139mm (ngày 3), Yên Bái: 100mm (ngày 17) nên không xảy ra tình trạng hạn gay gắt. Trong giai đoạn này phổ biến các nơi mỗi ngày có 5-6 giờ nắng, xấp xỉ và cao hơn TBNN chút ít. Các trà lúa sớm đang ở kỳ làm đòng và bắt đầu trở bông do thời tiết trong tháng mưa ít, nắng nhiều, xuất hiện một số ngày nắng nóng, nên những trà lúa sớm thời kỳ phân hoá đòng bị kéo dài, là một trong những nguyên nhân chính làm số hoa/bông giảm. Các trà lúa chính vụ và muộn ở các địa phương chủ động được nguồn nước sinh trưởng, phát triển khá, đẻ nhánh thuận lợi, số ngày từ bén rễ đến đẻ nhánh 18 - 24 ngày, độ cao cây tăng trưởng nhanh. Sâu bệnh thời kỳ này ở các nơi phát sinh nhiều loại, chủ yếu là sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy, bệnh khô vằn, bọ trĩ.... Tuy nhiên do các địa phương tích cực phòng trừ nên hại không đáng kể, số diện tích bị hại do sâu bệnh ít hơn cùng kỳ vụ trước.

c. Giai đoạn phát triển sinh thực

Giai đoạn sinh trưởng sinh thực là thời kỳ có ý nghĩa quan trọng. Mọi tác động của khí hậu, thời tiết đều ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hình thành năng suất lúa. Các trà lúa sớm trở bông nở hoa vào cuối tháng 8, đầu tháng 9, trà chính vụ trở vào giữa và cuối tháng 9. Các tỉnh vùng núi vào giai đoạn này nhiệt độ không khí trung bình phổ biến từ 24 đến 26,0° C, xấp xỉ TBNN, các tỉnh trung du, đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 26-27°C, thấp hơn TBNN từ 0,5 đến 1,0 °C. Ngày có nhiệt độ thấp nhất trong tháng ở hầu hết các nơi đều xảy ra vào thời kỳ giữa tháng 9 (từ 15-18). Trong tháng 9 lượng mưa phân bố không đều theo không gian nhưng nhìn chung hầu hết các tỉnh lượng mưa đều thấp, khu vực miền núi và trung du Bắc Bộ lượng mưa các nơi dưới 200mm, một số tỉnh vùng Đông Bắc bị hạn. Các khu vực khác lượng mưa phổ biến từ 300 - 500mm. Các tỉnh phía bắc khu vực Bắc Trung Bộ lượng mưa nhiều hơn cùng kỳ 50 đến 100mm, có nơi như Yên Định (Thanh Hoá) nhiều hơn TBNN 179,6mm, trong khi đó ở phía nam khu vực lượng mưa tháng ít hơn TBNN 100 đến 150mm, tại Kỳ Anh (Hà Tĩnh) lượng mưa ít hơn TBNN 348,0mm. Lượng mưa cả giai đoạn nhìn chung tuy thấp hơn TBNN nhưng do ảnh hưởng của bão số 4 gây mưa to nên một số tỉnh vào giai đoạn này lúa bị ngập úng. Theo thống kê của các Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn, Ninh Bình ngập úng khoảng 17598ha, trong đó mất trắng 2100ha, Thanh Hoá bị ngập khoảng 41000 ha, trong đó mất trắng 18000 ha [2] và một số địa phương khác bị ngập nhẹ. Số giờ nắng trong giai đoạn này ở hầu hết các tỉnh miền Bắc phổ biến từ 140 đến 160 giờ, thấp hơn TBNN từ 10 đến 45 giờ. Nếu so với cùng kỳ vụ mùa năm trước thì điều kiện khí tượng nông nghiệp giai đoạn phát triển sinh trưởng sinh thực trong vụ mùa 2000 không thuận lợi bằng. Các trà lúa sớm trở bông vào những ngày đầu tháng 9, do gặp mưa lớn, nắng ít nên không thuận lợi bằng trà chính vụ và muộn. Với những địa phương khâu thủy lợi tốt, chủ động được nguồn nước; lúa sinh trưởng phát triển khá, các trà lúa chính vụ và muộn làm đồng, trở bông vào nửa cuối tháng 9 không gặp mưa to, gió lớn do bão, nhiệt độ thích hợp nên lúa trở bông nở hoa tương đối thuận lợi. Sang tuần 1 tháng 10 các tỉnh nhiệt độ phổ biến từ 26 đến 28 °C, cao hơn TBNN, nắng khá và lượng mưa các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ thấp hơn TBNN, vùng núi Việt Bắc lượng mưa cao hơn TBNN. Vào thời kỳ này mưa lũ đã xảy ra ở 3 tỉnh: Lai Châu, Bắc Cạn, Tuyên Quang làm nhiều diện tích lúa và hoa màu bị ngập hại (Bắc Cạn lúa mùa mất trắng 33,6ha, hoa màu hồng 34ha, Tuyên Quang ngập 1154ha lúa mùa muộn, thiệt hại 183ha ngô và 535 ha rau màu) [2]. Hầu hết các tỉnh lúa đang ở kỳ phát triển sinh thực, một số nơi đang bắt đầu thu hoạch lúa mùa sớm. Cây sinh trưởng phát triển thuận lợi, sâu đục thân, bọ xít ... xuất hiện nhưng không phát triển thành dịch lớn, tuy nhiên một số nơi có tình trạng chuột phá hại lúa.

3. Kết luận

Vụ mùa 2000 nhìn chung thời tiết không thuận lợi bằng vụ mùa 1999. Tình trạng thiếu nước dưỡng lúa ở giai đoạn phát triển dinh dưỡng và ngập úng do mưa bão ở giai đoạn phát triển sinh thực là đặc điểm nổi bật của vụ sản xuất này. Nhiệt độ tương đối thích hợp, nhưng lượng mưa và số giờ nắng thấp ở hầu hết các tháng trong vụ. Hạn nhẹ xảy ra ở một số tỉnh vùng núi Đông Bắc và bão số 4 gây mưa to ngập úng ở một số tỉnh phía nam đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ là một trong những khó khăn của sản xuất. Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo sát sao của các ngành các cấp trong việc khắc phục tình trạng thiếu nước thời kỳ giữa vụ và tình trạng ngập úng lúa vào thời kỳ cuối vụ ở một số địa phương nên số diện tích bị hại không lớn. Theo thống kê sơ bộ của cơ quan Nông nghiệp năng suất vụ mùa 2000 nhìn chung ở các tỉnh xấp xỉ và thấp hơn vụ mùa năm 1999. Năng suất toàn miền Bắc đạt trung bình 40,75 tạ/ha. Khu vực đồng bằng sông Hồng năng suất trung bình đạt 51,25 tạ/ha, thấp hơn vụ mùa năm trước 0,59 tạ/ha.

Tài liệu tham khảo

1. Các điện AGROM của các trạm khí tượng nông nghiệp.
2. Các báo cáo nhanh kết quả sản xuất nông nghiệp (tài liệu của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
3. Các tạp chí Khí tượng Thủy văn các số 7(475)/2000, 8(476)/2000, 9(477)/2000.
4. Các thông báo khí tượng nông nghiệp các tháng 7, 8, 9/2000.